

Số: /2023/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội  
đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN  
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ,  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày  
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp  
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một  
số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính  
phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Khoản 2 Điều 31 Nghị định 20/2021/NĐ-CP  
ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội  
đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội**

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận là: 360.000 đồng/tháng.

2. Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng áp dụng cho mỗi đối tượng quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Ninh Thuận bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Khoản 1 Điều này nhân với hệ số tương ứng theo quy định sau đây:

a) Hệ số 6,0 đối với trẻ em dưới 04 tuổi.

b) Hệ số 5,0 đối với các đối tượng từ đủ 04 tuổi trở lên.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi bảo đảm xã hội theo phân cấp ngân sách và theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khoá XI Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu – UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh;
- Trang tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Hậu**